



TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ
GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18 /CV-BXMT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2020

Về việc công bố lại thông tin báo cáo tài chính
đã được kiểm toán và báo cáo thường niên 2019

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên Công ty: **Công ty cổ phần Bến Xe Miền Tây**
 2. Mã chứng khoán: **WCS**
 3. Trụ sở chính: 395 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP.HCM.
 4. Điện thoại: (028) 38776594 Fax: (028) 38752853
 5. Người thực hiện công bố thông tin: **Nguyễn Văn Thành** – người được ủy quyền công bố thông tin.
 6. Nội dung công bố thông tin:
 - Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần Bến Xe Miền Tây đã được kiểm toán ký ngày 17/03/2020 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - Giải trình về việc công bố lại thông tin báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán và báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Bến xe Miền Tây.
 7. Địa chỉ Website của Công ty đăng tải tại địa chỉ: www.bxmt.com.vn hoặc đường link <http://bxmt.com.vn/co-dong.html>
- Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**NGƯỜI THỰC HIỆN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCHC.

NGUYỄN VĂN THÀNH



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

PKF
Accountants &
business advisers

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019**



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 30



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301121128 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 05 năm 2006 và được thay đổi lần tư vào ngày 02 tháng 10 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (028) 3 877 6594
- Fax : (028) 3 875 2853

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Khai thác và kinh doanh bến xe;
- Vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa;
- Khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe;
- Cho thuê mặt bằng và ki ốt, bãi đậu xe vận tải hàng hóa;
- Giữ và chuyển hàng hóa hành lý bao gói;
- Mua bán phụ tùng vật tư ô tô, xăng dầu;
- Lau rửa, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô;
- Dịch vụ vui chơi giải trí, cho thuê nghỉ trọ;
- Dịch vụ bốc xếp hàng hóa và lưu đậu qua đêm của phương tiện vận tải;
- Dịch vụ giữ xe hai bánh;
- Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, hoạt động chính của Công ty là khai thác và kinh doanh bến xe; vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa; khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe; cho thuê mặt bằng và ki ốt, bãi đậu xe vận tải hàng hóa; giữ và chuyển hàng hóa hành lý bao gói; mua bán phụ tùng vật tư ô tô, xăng dầu; lau rửa, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô; dịch vụ vui chơi giải trí, cho thuê nghỉ trọ; dịch vụ bốc xếp hàng hóa và lưu đậu qua đêm của phương tiện vận tải, dịch vụ giữ xe hai bánh; kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng.

Cổ phiếu của Công ty được chấp nhận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) theo các nội dung sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: WCS
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 2.500.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 25.000.000.000 VND

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	Chủ tịch	
Ông Đặng Nguyễn Nguyễn Huân	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 26/04/2019
Ông Nguyễn Ngọc Thừa	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 01/10/2019
Ông Trần Văn Phương	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên	

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Đặng Nguyễn Nguyên Huân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/10/2019
Ông Nguyễn Ngọc Thừa	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 01/10/2019
Ông Trần Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc	

Ban kiểm soát

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Xuân Tùng	Trưởng ban
Bà Trương Nguyễn Thiên Kim	Thành viên
Bà Đoàn Thị Giao Thuyết	Thành viên

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Họ và Tên	Chức vụ	Đại diện pháp luật
Ông Đặng Nguyễn Nguyên Huân	Tổng Giám đốc	Từ ngày 01/10/2019
Ông Nguyễn Ngọc Thừa	Tổng Giám đốc	Đến ngày 01/10/2019

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tình hình tài chính vào cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty phải:

- Chọn lựa phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Bà LÊ THỊ MỸ HẠNH

Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2020



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

Số:151A/2020/BCKT-HCM.00342



Accountants &
business advisers

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây (được gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán này được phát hành để thay thế cho Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây đã phát hành số 151/2020/BCKT-HCM.00342 ngày 17 tháng 02 năm 2020, với lý do Công ty điều chỉnh một số khoản mục chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2019.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2020

LÊ NGỌC HẢI
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0179-2018-009-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
TÀI SẢN	100		259.028.204.803	306.750.651.338
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	23.744.900.288	16.863.948.714
Tiền	111		19.744.900.288	16.863.948.714
Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		221.300.000.000	241.723.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	221.300.000.000	241.723.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.880.120.922	45.557.126.418
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	7.939.382.817	10.658.330.642
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	395.884.343	1.151.102.165
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	-	30.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	2.617.922.595	3.747.693.611
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(73.068.833)	-
Hàng tồn kho	140	5.7	64.994.455	117.589.272
Hàng tồn kho	141		64.994.455	117.589.272
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.038.189.138	2.488.986.934
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	347.196.936	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	2.690.992.202	2.488.986.934
TÀI SẢN	200		28.198.359.758	22.194.057.619
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		21.310.939.053	21.153.158.529
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	21.158.150.165	21.032.558.529
Nguyên giá	222		74.120.538.338	69.317.372.606
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52.962.388.173)	(48.284.814.077)
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	152.788.888	120.600.000
Nguyên giá	228		2.987.189.390	2.902.189.390
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.834.400.502)	(2.781.589.390)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		6.348.554.028	610.259.308
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	6.348.554.028	610.259.308
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		538.866.677	430.639.782
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	538.866.677	430.639.782
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		287.226.564.561	328.944.708.957

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY
395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
NGUỒN VỐN	300		37.842.766.781	38.207.337.526
Nợ ngắn hạn	310		33.429.601.242	33.867.784.487
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	1.855.836.602	1.083.007.776
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	50.613.681	724.386
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	5.533.019.213	5.453.197.977
Phải trả người lao động	314		15.037.613.938	14.509.589.658
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.15	25.895.119	36.447.855
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16.1	8.518.283.650	7.688.618.112
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.18	2.408.339.039	5.096.198.723
Nợ dài hạn	330		4.413.165.539	4.339.553.039
Phải trả dài hạn khác	337	5.16.2	4.013.165.539	3.739.553.039
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	5.19	400.000.000	600.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		249.383.797.780	290.737.371.431
Vốn chủ sở hữu	410	5.20	249.383.797.780	290.737.371.431
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>25.000.000.000</i>	<i>25.000.000.000</i>
Quỹ đầu tư phát triển	418		100.076.089.467	86.345.812.880
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		124.307.708.313	179.391.558.551
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>85.641.558.551</i>	<i>143.510.263.060</i>
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>38.666.149.762</i>	<i>35.881.295.491</i>
Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		287.226.564.561	328.944.708.957



LÊ NGỌC ĐOÀN
Người lập biểu



NGUYỄN VĂN THÀNH
Kế toán trưởng



ĐẶNG NGUYỄN NGUYỄN HUÂN
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY
395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		133.568.769.184	132.393.017.683
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	133.568.769.184	132.393.017.683
Giá vốn hàng bán	11	6.2	58.636.989.532	57.410.940.390
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		74.931.779.652	74.982.077.293
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	19.134.502.566	17.578.114.642
Chi phí tài chính	22		96.178.083	-
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		96.178.083	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	11.847.683.583	12.139.120.974
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		82.122.420.552	80.421.070.961
Thu nhập khác	31	6.5	3.909.993.847	3.516.884.669
Chi phí khác	32		33.616.744	55.561.877
Lợi nhuận/ (lỗ) khác	40		3.876.377.103	3.461.322.792
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		85.998.797.655	83.882.393.753
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.14	17.347.414.719	16.909.838.906
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		68.651.382.936	66.972.554.847
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.6	22.959	22.172



LÊ NGỌC ĐOÀN
Người lập biểu



NGUYỄN VĂN THÀNH
Kế toán trưởng



ĐẶNG NGUYỄN NGUYỄN HUÂN
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY


395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Mã số	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
Lợi nhuận trước thuế	01	85.998.797.655	83.882.393.753
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.939.360.208	4.658.264.998
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03	73.068.833	-
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(19.540.893.356)	(17.643.401.024)
Chi phí lãi vay	06	96.178.083	-
Các khoản điều chỉnh khác	07	(200.000.000)	(200.000.000)
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	71.366.511.423	70.697.257.727
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	4.803.413.094	(5.083.689.701)
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10	52.594.817	(78.939.672)
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	4.180.970.631	(8.459.875.933)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(455.423.831)	(108.310.152)
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(96.178.083)	-
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(17.231.016.411)	(16.129.068.447)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(14.466.896.271)	(8.657.319.134)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	48.153.975.369	32.180.054.689
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(10.835.435.452)	(6.381.337.055)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	4.909.091	12.449.942
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(269.600.000.000)	(320.923.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	320.023.000.000	291.400.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.134.502.566	15.507.131.082
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	58.726.976.205	(20.384.756.031)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	(43.500.000.000)	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	43.500.000.000	-
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(100.000.000.000)	(5.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(100.000.000.000)	(5.000.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	6.880.951.574	6.795.298.658
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	16.863.948.714	10.068.650.056
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	23.744.900.288	16.863.948.714


LÊ NGỌC ĐOÀN
 Người lập biểu


NGUYỄN VĂN THÀNH
 Kế toán trưởng




ĐẶNG NGUYỄN NGUYỄN HUÂN
 Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301121128 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 05 năm 2006 và được thay đổi lần tư vào ngày 02 tháng 10 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được chấp nhận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) theo các nội dung sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: WCS
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 2.500.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 25.000.000.000 VND

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

- Khai thác và kinh doanh bến xe;
- Vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa;
- Khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe;
- Cho thuê mặt bằng và ki ốt, bãi đậu xe vận tải hàng hóa;
- Giữ và chuyển hàng hóa hành lý bao gói;
- Mua bán phụ tùng vật tư ô tô, xăng dầu;
- Lau rửa, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô;
- Dịch vụ vui chơi giải trí, cho thuê nghỉ trọ;
- Dịch vụ bốc xếp hàng hóa và lưu đậu qua đêm của phương tiện vận tải;
- Dịch vụ giữ xe hai bánh;
- Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng số nhân viên của Công ty là 167 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 169 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định hữu hình. Những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 15
Máy móc và thiết bị	03 – 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị văn phòng	03 – 05

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận tại thời điểm phát sinh. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

4.10 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

4.11 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là 2%.

4.12 Quỹ phát triển khoa học công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo qui định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích bằng 1 - 3% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20%. Theo quy định hiện hành, các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Sự khác biệt giữa số thuế được quyết toán và số liệu của báo cáo tài chính (nếu có) sẽ được điều chỉnh sau khi có quyết toán.

4.17 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.18 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty Cơ Khí Giao Thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV	Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Việt Nam	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	Việt Nam	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Hòa Phú	Việt Nam	Liên kết của tập đoàn
Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn	Việt Nam	Liên kết của tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình	Việt Nam	Cổ đông lớn

Các cá nhân được xem là các bên có liên quan: các nhân sự chủ chốt của Công ty (gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty).

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	484.222.338	1.120.251.943
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	19.260.677.950	15.743.696.771
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng - VND (*)	4.000.000.000	-
	23.744.900.288	16.863.948.714

(*) Là khoản tiền gửi ngân hàng TMCP Công Thương chi nhánh Tây Sài Gòn có kỳ hạn gửi 02 tháng với lãi suất 5,50%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn				
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Bến Thành	46.500.000.000	46.500.000.000	26.623.000.000	26.623.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn	46.000.000.000	46.000.000.000	73.500.000.000	73.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	18.400.000.000	18.400.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn	90.500.000.000	90.500.000.000	99.500.000.000	99.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Tân	19.900.000.000	19.900.000.000	25.100.000.000	25.100.000.000
	221.300.000.000	221.300.000.000	241.723.000.000	241.723.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất từ 6,88% - 7,25%/năm.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	150.850.521	156.353.718
Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn	-	26.086.000
Các tổ chức khác		
Công ty Cổ phần Xe khách Phương Trang FutaBusLines	5.377.990.855	6.731.140.529
Các khách hàng khác	2.410.541.441	3.744.750.395
	7.939.382.817	10.658.330.642

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty TNHH Dịch vụ Công nghệ Hoàn Phát	123.133.050	13.200.000
Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Đàm Sen	100.000.000	-
Công ty TNHH ĐTPPT XD Châu Á Thái Bình Dương	-	1.021.416.461
Các nhà cung cấp khác	172.751.293	116.485.704
	395.884.343	1.151.102.165

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Bên liên quan		
Tổng Công ty Cơ Khí Giao Thông Vận Tải Sài Gòn	-	30.000.000.000
- TNHH MTV	-	30.000.000.000

5.6 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan – Lãi cho vay				
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông	-	-	168.020.000	-
Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV				
Phải thu khác -Tiền thưởng viên	49.145.449	-	657.167.937	-
chức quản lý				
Các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	1.554.115.447	-	2.088.572.114	-
Lãi dự thu	401.481.699	-	115.183.560	-
Tạm ứng nhân viên	613.180.000	-	718.750.000	-
	2.617.922.595	-	3.747.693.611	-

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	44.373.000	-	85.534.000	-
Hàng hóa	20.621.455	-	32.055.272	-
	64.994.455	-	117.589.272	-

5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công cụ dụng cụ	263.367.098	-
Chi phí sửa chữa, lắp đặt	62.229.838	-
Chi phí khác	21.600.000	-
	347.196.936	-

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phần mềm diệt virus Kaspersky	-	2.308.500
Chi phí công cụ dụng cụ	384.111.621	36.257.002
Chi phí sửa chữa	154.755.056	392.074.280
	538.866.677	430.639.782

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.9 Tình hình tăng/giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2019	62.453.171.520	5.038.628.537	1.170.445.455	655.127.094	69.317.372.606
Tăng trong năm	353.806.749	36.675.000	-	35.909.091	426.390.840
Đầu tư XD CB hoàn thành	4.635.328.674	-	-	-	4.635.328.674
Giảm do thanh lý	(41.715.000)	(118.440.000)		(48.820.000)	(208.975.000)
Giảm khác	(49.578.782)	-	-	-	(49.578.782)
Tại ngày 31/12/2019	67.351.013.161	4.956.863.537	1.170.445.455	642.216.185	74.120.538.338
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2019	43.054.161.229	4.408.523.732	224.335.376	597.793.740	48.284.814.077
Khấu hao trong năm	4.173.062.396	584.284.503	117.044.544	36.028.795	4.910.420.238
Giảm do thanh lý	(41.715.000)	(118.440.000)	-	(48.820.000)	(208.975.000)
Giảm khác	(23.871.142)	-	-	-	(23.871.142)
Tại ngày 31/12/2019	47.161.637.483	4.874.368.235	341.379.920	585.002.535	52.962.388.173
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2019	19.399.010.291	630.104.805	946.110.079	57.333.354	21.032.558.529
Tại ngày 31/12/2019	20.189.375.678	82.495.302	829.065.535	57.213.650	21.158.150.165
Trong đó: - Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	31.382.508.990	4.845.288.537	-	529.307.094	36.757.104.621

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.10 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2019	877.402.000	1.425.873.503	485.613.887	113.300.000	2.902.189.390
Tăng trong năm	-	-	85.000.000	-	85.000.000
Tại ngày 31/12/2019	877.402.000	1.425.873.503	570.613.887	113.300.000	2.987.189.390
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2019	877.402.000	1.425.873.503	365.013.887	113.300.000	2.781.589.390
Khấu hao trong năm	-	-	52.811.112	-	52.811.112
Tại ngày 31/12/2019	877.402.000	1.425.873.503	417.824.999	113.300.000	2.834.400.502
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2019	-	-	120.600.000	-	120.600.000
Tại ngày 31/12/2019	-	-	152.788.888	-	152.788.888
Trong đó: - Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	877.402.000	1.425.873.503	284.613.887	113.300.000	2.701.189.390

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2019 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm VND	31/12/2019 VND
Lắp mái che phí trước nhà ga. DNTN tự bán vé và cải tạo quầy vé của các DNVT tự bán vé	-	257.220.372	(257.220.372)	-
Công trình cải tạo khu vực mặt tiền Bến xe Miền Tây	-	370.057.902	(370.057.902)	-
Xây dựng phòng khách chờ xe và cải tạo sửa chữa nhà vệ sinh công cộng	154.834.036	1.579.310.313	(1.688.275.440)	45.868.909
Mở rộng nhà xe 02 bánh	306.610.727	5.678.573.780	-	5.985.184.507
Trạm cấp khí CNG Bến xe Miền Tây	-	18.181.818	-	18.181.818
Cải tạo, sửa chữa khối văn phòng làm việc hiện hữu	41.541.818	2.470.279.209	(2.319.774.960)	192.046.067
Tư vấn lập đề xuất "Xây dựng Bến xe Miền Tây mới"	90.909.091	-	-	90.909.091
Khoan khảo sát địa kỹ thuật "Khu nhà xe thành lối đi riêng cho xe buýt và văn phòng làm việc"	16.363.636	-	-	16.363.636
	610.259.308	10.373.623.394	4.635.328.674	6.348.554.028

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Hòa Phú	2.222.000	7.552.000
Các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Quốc tế Việt Nhật	888.492.723	-
Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	852.445.892	852.445.892
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Nam Nguyễn	-	44.208.905
Các nhà cung cấp khác	112.675.987	178.800.979
	1.855.836.602	1.083.007.776

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	39.570.000	-
Các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty TNHH XD TM DV Hùng Hiếu	11.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	43.681	724.386
	50.613.681	724.386

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2019		Số phát sinh trong năm		31/12/2019	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp/khấu trừ VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng	1.028.560.663	-	11.813.219.554	(11.853.835.826)	987.944.391	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.424.637.314	-	17.351.453.919	(17.231.016.411)	4.545.074.822	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	(2.488.986.934)	2.453.651.676	(2.655.656.944)	-	(2.690.992.202)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	880.878.320	(880.878.320)	-	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
	5.453.197.977	(2.488.986.934)	32.502.203.469	(32.624.387.501)	5.533.019.213	(2.690.992.202)

Thuế giá trị gia tăng:

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	85.998.797.655	83.882.393.753
Điều chỉnh tăng/ (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
Các khoản điều chỉnh tăng	718.275.939	646.800.776
Các khoản điều chỉnh giảm	(200.000.000)	(200.000.000)
Thu nhập tính thuế	86.517.073.594	84.329.194.529
Trong đó:		
Thu nhập chịu thuế suất 20%	86.517.073.594	84.329.194.529
Thu nhập chịu thuế suất 22%	200.000.000	200.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	86.717.073.594	84.529.194.529
Thuế TNDN phải nộp	17.347.414.719	16.909.838.906
Thuế TNDN chậm nộp do hoàn nhập quỹ phát triển khoa học công nghệ	4.039.200	4.039.200
Chi phí Thuế TNDN	17.351.453.919	16.913.878.106

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuế nhà đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

5.15 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty Cổ phần Quảng cáo Tương tác	16.738.826	27.291.562
Công ty Cổ phần đầu tư hạ tầng viễn thông		
Hòa Thuận Phát	9.156.293	9.156.293
	25.895.119	36.447.855

5.16 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.16.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Bên liên quan		
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV - Cổ tức phải trả	2.550.000.000	3.187.500.000
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Busline – Thu hộ tiền bán vé	16.083.500	9.243.500
Các tổ chức và cá nhân khác		
Cổ tức phải trả cho cổ đông	2.450.000.000	3.062.500.000
Thu hộ tiền bán vé của các doanh nghiệp vận tải		
+ Công ty Cổ phần Xe khách Phương Trang Futa Buslines	3.101.915.000	939.695.000
+ Các đối tượng khác	400.285.150	448.432.712
Kinh phí công đoàn	-	41.246.900
	8.518.283.650	7.688.618.112

5.16.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Nhận ký quỹ dài hạn – Các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	56.720.000	56.720.000
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	44.985.000	41.985.000
Công ty TNHH Vận tải Ngôi sao Sài Gòn	12.530.000	13.770.000
Các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty Cổ phần Xe khách Phương Trang Futa Buslines	652.182.500	602.145.000
Các đối tượng khác	3.246.748.039	3.024.933.039
	4.013.165.539	3.739.553.039

5.17 Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	01/01/2019 VND	Trích quỹ VND	Tăng khác VND	Sử dụng quỹ VND	31/12/2019 VND
Quỹ khen thưởng	3.545.421.330	5.466.978.294	23.080.000	(7.171.238.333)	1.864.241.291
Quỹ phúc lợi	1.248.192.393	5.466.978.293	501.000.000	(6.939.042.938)	277.127.748
Quỹ thưởng người quản lý Công ty	302.585.000	321.000.000	-	(356.615.000)	266.970.000
	5.096.198.723	11.254.956.587	524.080.000	(14.466.896.271)	2.408.339.039

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.18 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Số đầu năm	600.000.000	800.000.000
Trích lập quỹ /(Hoàn nhập quỹ)	(200.000.000)	(200.000.000)
Số cuối năm	400.000.000	600.000.000

5.19 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2018	25.000.000.000	73.047.645.702	143.510.263.060	241.557.908.762
Lãi trong năm	-	-	66.972.554.847	66.972.554.847
Tạm trích lập quỹ:				-
<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	13.298.167.178	(13.298.167.178)	-
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	(11.174.467.178)	(11.174.467.178)
<i>Quỹ khen thưởng người quản lý Công ty</i>	-	-	(368.625.000)	(368.625.000)
Chia cổ tức	-	-	(6.250.000.000)	(6.250.000.000)
Số dư 31/12/2018	25.000.000.000	86.345.812.880	179.391.558.551	290.737.371.431
Số dư 01/01/2019	25.000.000.000	86.345.812.880	179.391.558.551	290.737.371.431
Lãi trong năm	-	-	68.651.382.936	68.651.382.936
Tạm trích lập quỹ:				-
<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	13.730.276.587	(13.730.276.587)	-
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	(10.933.956.587)	(10.933.956.587)
<i>Quỹ khen thưởng người quản lý Công ty</i>	-	-	(321.000.000)	(321.000.000)
Chia cổ tức bổ sung năm 2018	-	-	(93.750.000.000)	(93.750.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Số dư 31/12/2019	25.000.000.000	100.076.089.467	124.307.708.313	249.383.797.780

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2019		01/01/2019	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	12.750.000.000	51%	12.750.000.000	51%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình	2.505.000.000	10%	2.505.000.000	10%
Các cổ đông khác	9.745.000.000	39%	9.745.000.000	39%
	25.000.000.000	100%	25.000.000.000	100%

Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.500.000	2.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.500.000	2.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận:

Công ty chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2019 căn cứ vào kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 26 tháng 04 năm 2019.

		VND
- Chia cổ tức bổ sung năm 2018	:	93.750.000.000
- Tạm trích tiền chia cổ tức năm 2019	:	5.000.000.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển	:	13.730.276.587

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng hóa	20.956.357	23.883.637
Doanh thu cung cấp dịch vụ	133.547.812.827	132.369.134.046
	133.568.769.184	132.393.017.683

Trong đó, doanh thu bên liên quan:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	2.253.780.910	2.338.101.189
Công ty Cổ Phần Xe Khách Sài Gòn	567.923.637	776.658.063
Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn	139.895.289	127.229.401
	2.961.599.836	3.241.988.653

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn của hàng hóa	12.573.816	12.695.782
Giá vốn cung cấp dịch vụ	58.624.415.716	57.398.244.608
	58.636.989.532	57.410.940.390

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi	18.662.962.566	15.622.314.642
Lãi tiền cho vay	471.540.000	1.955.800.000
	19.134.502.566	17.578.114.642

6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.717.052.330	10.011.743.308
Chi phí khấu hao	339.760.834	313.943.316
Chi phí điện	307.139.472	395.595.802
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.483.730.947	1.417.838.548
	11.847.683.583	12.139.120.974

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.5 Thu nhập khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	4.909.091	12.449.942
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ	61.727.273	23.376.365
Thu tiền điện, nước của doanh nghiệp khác	3.237.206.856	2.749.548.112
Thu nhập khác	606.150.627	731.510.250
	3.909.993.847	3.516.884.669

6.6 Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí phạt vi phạm hành chính	29.577.544	17.522.677
Chi phí khác	4.039.200	38.039.200
	33.616.744	55.561.877

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	68.651.382.936	66.972.554.847
Các khoản điều chỉnh tăng/ giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(11.254.956.587)	(11.543.092.178)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	57.396.426.349	55.429.462.669
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.959	22.172

6.8 Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	279.435.662	304.201.521
Chi phí nhân viên	54.229.733.575	54.005.353.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.939.360.208	4.658.264.998
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.731.873.473	7.260.878.545
Chi phí bằng tiền khác	3.304.270.197	3.321.362.500
	70.484.673.115	69.550.061.364

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Ngoài ra, nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Hội đồng quản trị cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2019			
Phải trả người bán	1.855.836.602	-	1.855.836.602
Các khoản phải trả khác	3.518.283.650	4.013.165.539	7.531.449.189
	5.374.120.252	4.013.165.539	9.387.285.791
Ngày 31 tháng 12 năm 2018			
Phải trả người bán	1.083.007.776	-	1.083.007.776
Các khoản phải trả khác	1.397.371.212	3.739.553.039	5.136.924.251
	2.480.378.988	3.739.553.039	6.219.932.027

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng – Tổ chức và cá nhân khác	7.788.532.296	10.475.890.924	7.788.532.296	10.475.890.924
Phải thu khách hàng – Bên liên quan	150.850.521	182.439.718	150.850.521	182.439.718
Phải thu khác – Bên liên quan	-	30.000.000.000	-	30.000.000.000
Phải thu cho vay – Bên liên quan	-	168.020.000	-	168.020.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	221.300.000.000	241.723.000.000	221.300.000.000	241.723.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.744.900.288	16.863.948.714	23.744.900.288	16.863.948.714
Tổng cộng	252.984.283.105	299.413.299.356	252.984.283.105	299.413.299.356
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán – Tổ chức và cá nhân khác	1.853.614.602	1.075.455.776	1.853.614.602	1.075.455.776
Phải trả người bán – Bên liên quan	2.222.000	7.552.000	2.222.000	7.552.000
Các khoản phải trả khác	7.531.449.189	5.136.924.251	7.531.449.189	5.136.924.251
Tổng cộng	9.387.285.791	6.219.932.027	9.387.285.791	6.219.932.027

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thù lao Hội Đồng Quản trị	1.153.000.000	1.032.000.000
Lương và thưởng Ban Tổng Giám đốc	2.616.586.673	2.750.704.397
	3.769.586.673	3.782.704.397

8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong năm có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV			
	Lãi cho vay	471.540.000	1.955.800.000
	Chia cổ tức	51.000.000.000	2.550.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Cung cấp dịch vụ	2.253.780.910	2.338.101.189
	Thu hộ tiền bán vé	250.800.000	138.195.000
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	Cung cấp dịch vụ	567.923.637	776.658.063
	Nhận cung cấp dịch vụ	6.146.046.000	4.198.411.364
Công ty Cổ phần Hòa Phú	Mua hàng	67.165.000	75.414.199
Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn	Cung cấp dịch vụ	139.895.289	127.229.401

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các công ty có liên quan:

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	Phải thu cho vay ngắn hạn	-	30.000.000.000
	Phải thu lãi cho vay	-	168.020.000
	Phải trả cổ tức	(2.550.000.000)	(3.187.500.000)
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Phải thu thương mại	150.850.521	156.353.718
	Phải trả ngắn hạn khác	(16.083.500)	(9.243.500)
	Phải trả dài hạn khác	(44.985.000)	(41.985.000)
Công ty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn	Phải trả dài hạn khác	(56.720.000)	(56.720.000)
Công ty Cổ phần Hòa Phú	Phải trả thương mại	(2.222.000)	(7.552.000)
Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn	Phải trả dài hạn khác	(12.530.000)	(13.770.000)

8.2 Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là khai thác và kinh doanh bến xe và ở khu vực địa lý duy nhất là Thành phố Hồ Chí Minh.

8.3 Số liệu so sánh

Một vài số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày lại theo biên bản thanh tra thuế ngày 19 tháng 07 năm 2019 của Tổng Cục Thuế, các khoản trình bày lại như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	31/12/2018 Số liệu trước điều chỉnh VND	Các điều chỉnh VND	01/01/2019 Số liệu sau điều chỉnh VND	Ghi chú
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	1.123.602.165	(27.500.000)	1.151.102.165	(*)
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	3.632.510.051	115.183.560	3.747.693.611	(*)
3. Giá trị hao mòn lũy kế	223	(48.716.779.215)	431.965.138	(48.284.814.077)	(*)
4. Phải trả người bán ngắn hạn	311	1.110.507.776	(27.500.000)	1.083.007.776	(*)
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.332.768.237	(120.429.740)	5.453.197.977	(*)
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	35.399.576.533	(481.718.958)	35.881.295.491	(*)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Mã số	Năm 2018 Số liệu trước điều chỉnh VND	Các điều chỉnh VND	Năm 2018 Số liệu sau điều chỉnh VND	Ghi chú
1. Giá vốn hàng bán	11	57.897.905.528	(486.965.138)	57.410.940.390	(*)
2. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17.462.931.082	115.183.560	17.578.114.642	(*)
3. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	16.789.409.166	120.429.740	16.909.838.906	(*)
4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21.979	193	22.172	(*)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

	Mã số	Năm 2018 Số liệu trước điều chỉnh VND	Các điều chỉnh VND	Năm 2018 Số liệu sau điều chỉnh VND	Ghi chú
1. Lợi nhuận trước thuế	01	83.280.245.055	602.148.698	83.882.393.753	(*)
2. Khấu hao tài sản cố định	02	5.090.230.136	(431.965.138)	4.658.264.998	(*)
3. Tăng(giảm)các khoản phải trả	11	(8.289.692.373)	(170.183.560)	(8.459.875.933)	(*)

(*) Điều chỉnh số liệu theo Biên bản thanh tra thuế của Tổng Cục Thuế ngày 19 tháng 07 năm 2019.

8.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



LÊ NGỌC ĐOÀN
Người lập



NGUYỄN VĂN THÀNH
Kế toán trưởng



ĐẶNG NGUYỄN NGUYỄN HUÂN
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2020

Ho Chi Minh City Head Office
2/F Indochina Park Tower,
No. 4 Nguyen Dinh Chieu St.,
Dakao Ward, District 1,
Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : +84 282 2200 237
Fax : +84 282 2200 265
Email: pkf.afchcm@pkf.afcvietnam.vn

Can Tho Branch
A1 - 28 Street 6, Cong An Residence,
Thanh Loi Area, Phu Thu Ward,
Cai Rang District,
Can Tho City, Vietnam
Tel : +84 292 382 7888
Fax : +84 292 382 3209
Email: pkf.afcct@pkf.afcvietnam.vn

Ha Noi Branch
B19, Group 70,
Tran Phu Collective,
Dich Vong Hau Ward, Cau Giay Dist.,
Ha Noi City, Vietnam
Tel : +84 243 2002 016
Fax : +84 243 2002 016
Email: pkf.afcmb@pkf.afcvietnam.vn

Ha Thanh Branch
12B/F, Hancorp Plaza,
No. 72 Tran Dang Ninh St.,
Dich Vong Ward, Cau Giay Dist.,
Ha Noi City, Vietnam
Tel : +84 243 8373 666
Fax : +84 243 2191 538
Email: pkf.afcht@pkf.afcvietnam.vn

Central Branch
No. 670 Quang Trung St.,
Chanh Lo Ward, Quang Ngai City,
Quang Ngai Province,
Vietnam
Tel : +84 255 3722 447
Fax : +84 255 3722 447
Email: pkf.afcmt@pkf.afcvietnam.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY
(MCK: WCS)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 19 /BXMT-KTTC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2020

Giải trình v/v công bố lại thông tin báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán và báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Bến xe Miền Tây.

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Lời đầu tiên, Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây (Công ty) xin gửi lời cảm ơn đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã hỗ trợ cho Công ty chúng tôi trong suốt thời gian qua.

Ngày 21/02/2020, Công ty đã công bố thông tin báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam ký ngày 17/02/2020 và ngày 5/03/2020 Công ty đã công bố thông tin báo cáo thường niên năm 2019. Tuy nhiên, khi lập hồ sơ quyết toán quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý năm 2019, Công ty đã phát hiện ra sai sót về quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách, quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách dẫn đến một số chỉ tiêu tài chính cần điều chỉnh, cụ thể như sau:

1. Một số chỉ tiêu tài chính:

Các chỉ tiêu	Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh	Chênh lệch tăng, giảm ()
Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý chuyên trách năm 2019	2.734.000.000	2.569.000.000	(165.000.000)
Quỹ thù lao thực hiện của người quản lý không chuyên trách năm 2019	1.093.600.000	1.153.000.000	59.400.000


2. Kết quả hoạt động kinh doanh, thuế TNDN, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý năm 2019 sau khi điều chỉnh:

Các chỉ tiêu	Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh	Chênh lệch tăng, giảm ()
Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.953.283.583	11.847.683.583	(105.600.000)
Lợi nhuận trước thuế TNDN	85.893.197.655	85.998.797.655	105.600.000
Thuế TNDN	17.320.558.325	17.347.414.719	26.856.394
Lợi nhuận sau thuế TNDN	68.572.639.330	68.651.382.936	78.743.606
Quỹ đầu tư phát triển năm 2019	13.714.527.866	13.730.276.587	15.748.721

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động năm 2019	10.918.207.866	10.933.956.587	15.748.721
Quỹ thưởng người quản lý Công ty năm 2019	341.750.000	321.000.000	(20.750.000)

Do vậy, Công ty sẽ điều chỉnh lại báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán.

Trên đây là giải trình về việc công bố lại thông tin báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán và báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Dặng Nguyễn Nguyên Huân